

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 121/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18/10/2017

*V/v: yêu cầu chia tài sản sau khi
ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi
con.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- THnh phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô THnh Xét

Ông Trần Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Lụa – là Thư Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân: ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2016/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2016 về việc “tranh chấp yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2017/QXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ cư trú: ấp 11A, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* anh Phạm Anh K, sinh năm 1970

Địa chỉ cư trú: ấp 4, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Thị Th

- Anh Phạm Văn K

- Chị Phạm Ngọc Th

- Anh Phạm Minh Ng

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 5, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Chị Phạm Mỹ Ph

Địa chỉ cư trú: ấp 4, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Chị Phạm Mỹ Ch

Địa chỉ cư trú: phường 5, tHnh phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

(Bà Th, anh K, chị Th, anh Ng, chị Ph, chị Ch có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Phạm Anh K kết hôn với nhau vào năm 1997, vợ chồng sống chung với nhau đến năm 2015 thì ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 61/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2015 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Năm 1998 chị và anh K có mua một mảnh đất chiều ngang 7 mét; dài 47 mét; tại ấp 4, xã Khánh An, huyện U Minh. Đến năm 2000 chị và anh K có cất nhà trên phần đất để ở và sinh sống đây là tài sản chung của chị và anh K.

Chị và anh K có 03 người con chung tên Phạm Thúy V, sinh năm 1999; Phạm Bảo H, sinh ngày 20/3/2003 và Phạm Lan A, sinh ngày 24/01/2008.

Quá trình giải quyết ly hôn, giữa chị và anh K tự thỏa thuận tài sản chung chia đôi không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung do chị H nuôi dưỡng, anh K không cấp dưỡng nuôi con nhưng đến nay chị chưa được nhận tài sản như thỏa thuận nên chị yêu cầu được nhận số tài sản như đã thỏa thuận và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Phạm Bảo H và Phạm Lan A theo quy định pháp luật.

** Bị đơn anh Phạm Anh K trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị H có thỏa thuận ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện U Minh như trình bày của chị H.

Phần đất ngang 07 mét, dài 47 mét do cha anh là ông Phạm Văn H (đã chết) đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi anh và chị H chung sống với nhau, cha anh là ông H và mẹ anh là bà Trần Thị Th có cho vợ chồng anh mượn để cất nhà làm ăn sinh sống. Hiện tại anh và chị H đã ly hôn nhau phần đất trên mẹ anh đã lấy lại sử dụng, phần đất này không phải là tài sản chung của anh và chị H nên anh không đồng ý chia.

Đối với căn nhà là tài sản chung theo biên bản định giá có giá trị là 55.447.000 đồng, anh K đồng ý giao lại cho chị H $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với số tiền 27.723.500 đồng, anh K được sử dụng căn nhà tại ấp 4, xã Khánh An, huyện U Minh.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Phạm Bảo H và Phạm Lan A theo yêu cầu của chị H, mỗi tháng cấp dưỡng mỗi người con chung là 750.000 đồng cho đến khi hai người con chung tròn 18 tuổi.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *Tại bản tự khai ngày 10/5/2017 bà Trần Thị Th trình bày:* Con trai bà là Phạm Anh K và con dâu là Nguyễn Thị H đi đến hôn nhân và có con chung với

nhau. Sau đó H và Kiệt phát sinh mâu thuẫn vợ chồng yêu cầu Tòa án giải quyết được Tòa án cho ly hôn. Trong thời gian H và Kiệt chung sống, bà và chồng bà là ông Phạm Văn H (ông H chết) có cho K và H mượn phần đất ngang 7 mét, dài 47 mét, tại ấp 4, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, để cất nhà làm ăn sinh sống, phần đất có nguồn gốc là của bà và ông H, ông H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp vào năm 2002 (phần đất cho K, H mượn là một phần trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại thửa số 193. Sau khi K, H ly hôn nhau, H về bên ruột sinh sống thì K trả lại phần đất trước đây bà cho K và H mượn. H cho rằng phần đất K và H cất nhà là tài sản chung là không đúng, phần đất đó là tài sản của vợ chồng bà, bà đã lấy lại sử dụng ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến phần đất.

- *Tại bản tự khai ngày 10/5/2017 chị Phạm Ngọc Th, anh Phạm Minh Ng, anh Phạm Văn K, chị Phạm Mỹ Ph, chị Phạm Mỹ Ch trình bày:* anh Phạm Anh K và chị Nguyễn Thị H đi đến hôn nhân và có con chung với nhau. Sau đó anh K và chị H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, yêu cầu Tòa án giải quyết, được Tòa án cho ly hôn. Trong thời gian anh K, chị H chung sống vợ chồng cha là ông Phạm Văn H (ông H chết) và mẹ là bà Trần Thị Th có cho anh K và chị H mượn phần đất ngang 7 mét, dài 47 mét, để cất nhà làm ăn sinh sống, phần đất có nguồn gốc là của ông H, Bà Th, ông H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp vào năm 2002 (phần đất cho K, H mượn là một phần trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại thửa số 193. Sau khi anh K, chị H ly hôn nhau thì anh K trả lại phần đất đã mượn cho Bà Th. Chị H cho rằng phần đất anh K và chị H cất nhà là tài sản chung là không đúng, phần đất đó là tài sản của cha và mẹ các anh chị và mẹ các anh chị đã lấy đất lại sử dụng ổn định và các anh chị là người thừa kế của ông Hiệp nhưng không yêu cầu gì liên quan đến phần đất mà giao cho mẹ là Bà Th quản lý, sử dụng.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ về thẩm quyền giải quyết, nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán, việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự việc giao nhận thông báo thụ lý. Tuy nhiên Thẩm phán còn để vụ án quá hạn luật định nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tuân thủ của người tham gia tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 59, Điều 115, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 166 Luật đất đai. Về cấp dưỡng nuôi con, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 người con chung mỗi tháng mỗi cháu 750.000 đồng, đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi, chị H cũng thống nhất mức cấp dưỡng nên đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Về yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà, chị H và anh K đều thống nhất anh K quản lý sử dụng căn nhà và giao lại giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà cho chị H với số tiền 27.723.500 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Không chấp

nhận yêu cầu của chị H về chia đôi quyền sử dụng đất. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Anh K, địa chỉ cư trú tại ấp 4, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Trần Thị Th, chị Phạm Ngọc Th, anh Phạm Minh Ng, anh Phạm Văn K, chị Phạm Mỹ Ph, chị Phạm Mỹ Ch có đơn xin vắng mặt nên xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Anh K đã thuận tình ly hôn và được Tòa án công nhận bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 61/215/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

[3] Về tài sản:

Đối với phần đất nền nhà: chị Nguyễn Thị H xác định có phần đất ngang là tài sản chung của chị và anh K, chị H yêu cầu chia đôi, còn anh Phạm Anh K xác định phần đất là tài sản của cha mẹ anh cho mượn không phải là tài sản chung nên không đồng ý chia. Xét thấy phần đất theo yêu cầu của chị H và đo đạc thực tế có diện tích ngang 7 mét dài 47 mét, diện tích 329 m² thuộc một phần đất do ông Phạm Văn H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay ông H đã chết những người thừa kế của ông H gồm bà Trần Thị Th, chị Phạm Ngọc Th, anh Phạm Minh Ng, anh Phạm Văn K, chị Phạm Mỹ Ph, chị Phạm Mỹ Ch đều xác định phần đất là tài sản của ông H, Bà Th cho chị H và anh K mượn không phải là tài sản chung của anh K, chị H và Bà Th đã lấy lại sử dụng từ khi chị H và anh K ly hôn. Mặt khác chị H xác định phần đất là tài sản chung nhưng không chứng minh được nên yêu cầu của chị H chia phần đất là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với căn nhà ngang 4,6 mét, dài 12,2 mét, kết cấu khung sườn bằng bê tông cốt thép, lợp tôn fibroximen, vách xây tường, nền lót gạch men và gạch tàu, cửa trước sắt kéo, còn lại cửa gỗ chị H và anh K cùng xác định là tài sản chung, theo định giá có giá trị là 55.447.000 đồng, anh K và chị H thống nhất với nhau, anh K giao lại cho chị H giá trị ½ căn nhà với số tiền 27.723.500 đồng, anh K được sử dụng căn nhà tại ấp 4, xã Khánh An, huyện U Minh, xét đây là sự tự nguyện của chị H và anh K nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H và anh K thống nhất với nhau, anh K cấp dưỡng nuôi hai người con chung tên Phạm Bảo H và Phạm Lan A, mỗi tháng cấp dưỡng mỗi người con chung là 750.000 đồng cho đến khi hai người con chung tròn 18 tuổi nên ghi nhận sự tự nguyện này.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị H phải chịu đối với số tiền được chia 27.723.500 đồng x 5% = 1.386.175 đồng. Ngày 11/4/2016 chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.720.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05612 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được đối trừ chuyển thu, chị H được nhận lại 333.825 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh K được chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 27.723.500 đồng x 5% = 1.386.175 đồng và anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quyết định của Tòa án nên anh K phải chịu án phí không có giá ngạch là 200.000 đồng, tổng cộng là 1.586.175 đồng. Theo Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản với số tiền là 1.200.000 đồng chia đôi, chị H phải chịu 600.000 đồng, anh K phải chịu 600.000 đồng. Chị H đã trả 1.200.000 đồng nên anh K phải trả lại cho chị H 600.000 đồng.

[5] Về chi phí đo đạc đất: chị H yêu cầu chia đôi phần đất không được chấp nhận nên chị H phải chịu chi phí đo đạc với số tiền 901.000 đồng, chị H đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 1 Điều 227, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 59, Điều 107, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 166 Luật đất đai.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Anh K.

[2] Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị H được chia giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà với số tiền 27.723.500 đồng.

Anh Phạm Anh K được chia giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà với số tiền 27.723.500 đồng.

Anh Phạm Anh K được tiếp tục sử dụng căn nhà ngang 4,6 mét, dài 12,2 mét, kết cấu khung sườn bằng bê tông cốt thép, lợp tôn fibroximen, vách xây

tường, nền lót gạch men và gạch tàu, cửa trước sắt kéo, còn lại cửa gỗ tại ấp 4, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Anh Phạm Anh K có nghĩa vụ giao lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 27.723.500 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H yêu cầu chia đôi diện tích đất ngang 7 mét dài 47 mét.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Anh K cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 20/3/2003 và Phạm Lan A, sinh ngày 24/01/2008, mỗi tháng mỗi cháu 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Phạm Bảo H, và Phạm Lan A đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 11/4/2016.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền có nghĩa vụ phải giao cho người được thi hành án và khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền là 1.386.175 đồng. Ngày 11/4/2016 chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.720.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05612 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được đối trừ chuyển thu, chị H được nhận lại 333.825 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm anh Phạm Anh K phải chịu với số tiền là 1.586.175 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về chi phí định giá tài sản: chi phí định giá với số tiền là 1.200.000 đồng, chị Nguyễn Thị H phải chịu 600.000 đồng, anh Phạm Anh K phải chịu 600.000 đồng. Chị H đã trả đủ 1.200.000 đồng, buộc anh K phải trả lại cho chị H 600.000 đồng.

[6] Về chi phí đo đạc đất: chị Nguyễn Thị H phải chịu với số tiền 901.000 đồng, chị H đã nộp xong.

[7] Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi Hình án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dư Thanh Nguyễn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

